

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương T; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Bất C; nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Bất C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 01 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại Thôn K, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cùng gia đình chị T. Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh C không quan tâm phụ giúp vợ trong sinh hoạt gia đình, có lời lẽ xúc phạm đến gia đình vợ; nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, cuộc sống hôn nhân căng thẳng không thể dung hòa được. Hiện tại chị và anh LêBAT C đã sống ly thân, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh LêBAT C để giải phóng hai bên khỏi ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và anh LêBAT C có 01 con chung là LêBAT Minh T, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2014. Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh LêBAT C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh LêBAT C để anh C đến Toà án nhân dân huyện An Dương giải quyết việc chị Trần Thị Phương T xin ly hôn nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không đến Tòa án ghi bản tự khai; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Trần Thị Phương T được ly hôn với anh LêBAT C; giao con chung LêBAT Minh T, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2014 cho chị Trần Thị Phương T nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Phương T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh LêBAT C. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh LêBAT C có địa chỉ cư trú tại Thôn K, xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa anh LêBAT C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt anh LêBAT C.

- Về nội dung:

[3] Chị Trần Thị Phương T và anh LêBAT C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21 tháng 01 năm 2014, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Tuy anh LêBAT C không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh C về việc chị Trần Thị Phương T xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị Phương T và anh LêBAT C kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2014. Trong cuộc sống do có những mâu thuẫn phát sinh do tính cách không hợp, anh C mãi chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con nên vợ chồng tình cảm lạnh nhạt. Hiện tại chị T và anh C đã sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Phương T và anh LêBAT C là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Phương T với anh LêBAT C.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Phương T và anh LêBAT C có 01 con chung là LêBAT Minh T, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2014. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C không có quan điểm về việc nuôi con. Xét thấy quan điểm của chị T là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận. Khi nào anh C có yêu cầu về việc nuôi con chung hoặc chị T có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh LêBAT C không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương T là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương T được ly hôn anh LêBAT C.
2. Về con chung: Giao con chung LêBAT Minh T, sinh ngày 09 tháng 6 năm 2014 cho chị Trần Thị Phương T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị Trần Thị Phương T tạm thời không yêu cầu.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0012808 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương nên không phải nộp nữa.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THA dân sự huyện An Dương;
- UBND xã Lê Thiện;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Văn Tuấn

